

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 14 - 8 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Trương Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Võ Đức T, sinh năm 1979 tại Long An. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị N; có vợ: Nguyễn Thị Thu T và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Huỳnh Trung T. Tên gọi khác: Bình, sinh năm 1977 tại Long An. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị L; có vợ: Thái Thị Ngọc M và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Nguyễn Mạnh Anh T, sinh năm 1988 tại Long An. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Thái Thị Ngọc H; có vợ: Ngô Thị Kiều O; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Phạm Công S, sinh năm 1972 tại Long An. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công Y

và bà Nguyễn Thị T; có vợ: Lê Thị S và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; có mặt.

2. Ông Phạm Công H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; có mặt.

3. Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 20/02/2018, Phạm Thanh T trong lúc chạy xe thì gặp Phạm Công H (tên gọi khác: Chín L), T rủ H ghé vào quán nước của Võ Đức T, địa chỉ ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An để uống nước. Lúc uống nước T không có ở nhà nên H điện thoại rủ T về chơi. Trong khi ngồi uống nước thì T hỏi chơi đánh bài không thì T, H đồng ý. T lấy 01 bộ bài tây 52 lá trong quán ra phía trước quán để đánh bài thắng thua bằng tiền. Số tiền đánh bạc bỏ ra ban đầu: T với số tiền là 1.200.000 đồng, T với số tiền là 500.000 đồng, H với số tiền là 200.000 đồng. T, T, H đánh bài ngẫu hằm 05 lá với nhau, mỗi người làm cái 02 lần, xoay vòng, đặt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng mỗi lần. Khoảng 30 phút sau thì Huỳnh Trung T (tên gọi khác là Bình) đến quán T để uống nước, khi T thua hết số tiền 500.000 đồng và nghỉ về thì Huỳnh Trung T vào tham gia đánh bạc với số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó Huỳnh Hoàng T tham gia đánh bạc bỏ ra số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Mạnh Anh T tham gia đánh bạc bỏ ra số tiền là 1.000.000 đồng để cùng đánh bạc với T, Huỳnh Trung T, H. Đến khoảng 13 giờ 30 phút thì H, T đánh bạc không thắng, không thua, nên nghỉ ra về. Lúc này Phạm Công S vào tham gia đánh bạc bỏ ra số tiền là 1.200.000 đồng cùng T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T. Cả 04 người cùng chơi đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An bắt quả tang về hành vi đánh bạc trái phép.

Vật chứng thu giữ: 01 bộ bài tây 52 lá của Võ Đức T, số tiền trên chiếu bạc 5.500.000 đồng. Trong đó: Võ Đức T số tiền là 100.000 đồng, Phạm Công S số tiền là 400.000 đồng, Nguyễn Mạnh Anh T số tiền là: 2.500.000 đồng, Huỳnh Trung T số tiền là 2.500.000 đồng. 04 xe mô tô gồm: xe mô tô biển số 62K1-082.90 của Nguyễn Mạnh Anh T, xe mô tô biển số 53P4-2034 của Huỳnh Trung T (mua chưa chuyển quyền sở hữu), xe mô tô biển số 62F5-1443 của Võ Đức T (mua chưa chuyển quyền sở hữu), xe mô tô biển số 62K1-200.53 của Phạm Công S. Ngoài ra trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu

Thành còn thu giữ số tiền sử dụng đánh bạc của Huỳnh Hoàng T là 150.000 đồng, Phạm Công H số tiền là 200.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã điều tra làm rõ và trả lại cho chủ sở hữu 04 xe mô tô do không liên quan đến việc phạm tội đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSHCT ngày 12/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S theo tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 35, 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đức T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 35, 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.500.000 đồng, tịch thu tiêu hủy một bộ bài tây 52 lá. Trả lại cho ông Huỳnh Hoàng T 150.000 đồng, ông Phạm Công H 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét T lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và những chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/02/2018, tại phía trước quán nước của bị cáo Võ Đức T thuộc ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An thì T và Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S đã có hành vi đánh bạc, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị Công an xã T bắt quả tang với số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.500.000 đồng và một bộ bài tây 52 lá. Bị cáo T là người trực tiếp rủ rê.

Các bị cáo là người đã thành niên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Châu Thành truy tố các bị cáo tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

[3] Xét T hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tình hình trật tự công cộng tại địa phương và xã hội. Hành vi đánh bạc là một tệ nạn xấu của xã hội, còn gây ra nhiều hậu quả xấu khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thắng thua bằng tiền nhằm thu lợi cho bản thân nên phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành nên cần phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để làm căn cứ quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Võ Đức T là người trực tiếp rủ rê và tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc là 1.200.000 đồng. Các bị cáo Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S tham gia vụ án với vai trò là người thực hành, bị cáo Trung T tham gia đánh bạc với số tiền 1.600.000 đồng, bị cáo Anh T tham gia đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Sĩ tham gia đánh bạc với số tiền 1.200.000 đồng. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Võ Đức T có ông nội được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, đều có nhân thân tốt trước khi phạm tội nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo và giáo dục. Tuy nhiên do các bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng

Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Đối với Phạm Thanh T, Phạm Công H, Huỳnh Hoàng T tham gia đánh bạc nhưng tổng số tiền đánh bạc chưa đến 5.000.000 đồng, nên hành vi không cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Số tiền 5.500.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, một bộ bài tây 52 lá là công cụ các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền Cơ quan điều tra tạm giữ của ông Huỳnh Hoàng T 150.000 đồng, ông Phạm Công H 200.000 đồng, do hành vi của T và H chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính nên số tiền tạm giữ trả lại cho ông T, ông H là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 35, 50, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đức T 12.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 35, 50, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Trung T 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Mạnh Anh T 10.000.000 đồng, bị cáo Phạm Công S 10.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.500.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc (theo biên lai số 0006612 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An) trong đó: Võ Đức T số tiền là 100.000 đồng, Phạm Công S số tiền là 400.000 đồng, Nguyễn Mạnh Anh T số tiền là: 2.500.000 đồng, Huỳnh Trung T số tiền là 2.500.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy một bộ bài tây 52 lá là công cụ các bị cáo dùng vào việc đánh bạc (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An).

Trả lại cho ông Huỳnh Hoàng T số tiền tạm giữ là 150.000 đồng, ông Phạm Công H số tiền 200.000 đồng (theo biên lai số 0006612 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Võ Đức T, Huỳnh Trung T, Nguyễn Mạnh Anh T, Phạm Công S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND, CA huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh